

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA
QUYỂN 17

Phẩm 32: **GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ**, Phần 2

*Như giải thích năm loại thanh vắng,
Những công đức khác cũng như vậy,
Tự mình đọc tụng-dạy cho người,
Có thể rời khỏi nơi thanh vắng.*

Tỳ-kheo A-la-nhã phân biệt có năm loại:

1. Dùng ý xấu xa để mong cầu lợi dưỡng.
2. Độn căn ngu si mà thực hành tu hạnh A-la-nhã.
3. Cuồng si thất chí cho nên tìm đến chốn A-la-nhã.
4. Bởi vì thực hành công hạnh Đầu-đà cho nên ở trong chốn A-la-nhã.
5. Bởi vì được chư Phật Bồ-tát và các bậc Hiền Thánh khen ngợi cho nên ở trong chốn A-la-nhã.

Ở trong năm loại A-la-nhã này, thì bởi vì thực hành công hạnh Đầu-đà cho nên ở trong chốn A-la-nhã và bởi vì được chư Phật Bồ-tát cùng các bậc Hiền Thánh khen ngợi cho nên ở trong chốn A-la-nhã, hai hạnh này là hạnh thiện, ba loại còn lại thì đáng chê trách. Như pháp A-la-nhã phân biệt có năm loại, mười một hạnh Đầu-đà còn lại cũng phân biệt như vậy, cần phải nhận biết!

Hỏi: Đức Phật dạy rằng nếu đã thọ pháp A-la-nhã thì suốt đời không nên buông bỏ, nếu có nhân duyên thì có thể rời bỏ được không?

Đáp:

*Nếu nhân duyên đọc tụng kinh pháp,
Thì được rời xa A-la-nhã.*

Nếu Tỳ-kheo muốn đi theo người khác thọ trì đọc tụng kinh pháp, hoặc muốn dạy cho người khác đọc tụng, thì cần phải từ trú xứ A-la-nhã

đi vào chùa tháp. Vì nhân duyên này thì có thể rời xa được.

*Lúc dạy cho người khác đọc tụng,
Không nên mong cầu được cung cấp,
Luôn luôn cần phải nghĩ đến Phật,
Đức Phật thường có những việc làm.*

Tỳ-kheo A-la-nhã từ nơi thanh vắng ra đi, dạy cho người khác đọc tụng, không nên mong cầu sự cung kính cúng dường, mà tâm cần phải nghĩ đến Phật, Phật hãy còn có những việc tự mình thực hành, hướng gì là đối với mình. Nghĩ đến Phật, Phật là đấng Đa Đà A Già Đà Tam Miệu Tam Phật Đà, tất cả chư Thiên, Long thần, càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích-đề-hoàn-nhân, Tứ thiên vương, loài người và loài Phi nhân đều cung kính cúng dường. Phật là phước điền vô thượng của tất cả chúng sinh, nhưng Phật còn không mong cầu người khác cúng dường mà tự mình làm những công việc của chính mình. Nay mình chưa có hiểu biết gì, mới bắt đầu mong cầu học hỏi, tại sao lại nhận sự cung cấp từ người khác? Lại nên dấy lên ý niệm như vậy:

*Mình cần phải cố gắng cung cấp,
Lợi ích cho tất cả chúng sinh,
Không mong họ cung cấp cho mình,
Mà vì lợi mình và lợi người.*

Thế nào là tự lợi? Nếu coi trọng sự cung cấp thì mất đi công đức của pháp thí. Nếu không coi trọng sự cung cấp thì có được công đức của pháp thí. Thế nào là lợi tha? Nếu coi trọng sự cung cấp của người khác mà dạy cho họ đọc tụng, thì người ấy sinh tâm nghĩ rằng vị Thầy chắc chắn vì lợi dưỡng thế gian mà dạy bảo cho mình chứ không phải vì giáp pháp. Người này nếu dùng tâm này cung cấp cho vị thầy, thì không có được lợi ích to lớn. Nếu chỉ vì cung kính giáo hóa mà tôn trọng vị Thầy, thì có được lợi ích to lớn. Đó gọi là lợi tha.

*Thuận theo người khác cầu trí tuệ,
Ngay cả thân mạng cũng không tiếc.*

Nếu hành giả mong muốn thuận theo người khác để cầu trí tuệ thì cầu phải xem nhẹ thân mạng. Xem nhẹ thân mạng là vì trí tuệ, tâm chịu khó tinh tiến, cung kính đối với Thầy mà không tiếc thân mạng.

Hỏi: tại vì sao phải vì trí tuệ mà cung kính Thầy ngay cả thân mạng cũng không tiếc? Đáp:

*Nếu như nhất tâm học một chữ,
Lấy đây làm thời gian kiếp số,*

*Cung kính đối với Thầy dạy mình,
 Người có thể giải thích luận này;
 Xa rời những tâm niệm quanh co,
 Hết sức yêu quý mà cung kính,
 Ngày đêm không lúc nào dừng lại,
 Tận cùng đời kiếp cũng như vậy.*

Thuận với số chữ nghĩa bàn luận mà Thầy đã dạy và tâm niệm của mình như vậy, nếu tâm người tiếp nhận giáo pháp không có gì đua nịnh quanh co và không tiếc gì thân mạng, thì ngày đêm cung kính, trước sau không sai khác. Tuy có thể như vậy mà hãy còn không đền đáp được ân đức của Thầy dạy cho mình được trí tuệ luận bàn. Vì vậy cho nên đệ tử cần phải rời xa tâm đua nịnh quanh co, rời bỏ ý niệm tham tiếc thân mạng, phá trừ mọi sự kiêu mạn. Nếu vị Thầy khinh miệt thì mình vẫn dùng tâm kính mến tôn trọng chứ không có gì thay đổi, nên sinh tâm yêu quý sâu sắc, tâm cung kính bậc nhất. Cần phải sinh tâm như cha mẹ, phải sinh tâm như bậc Đại sư, phải sinh ý tưởng như bậc thiện tri thức, phải sinh ý tưởng có năng lực làm điều khó làm, phải sinh tâm khó đền đáp nổi. Nếu thầy cho phép thì tiếp nhận mà luôn luôn thực hành làm việc, không đợi đến lúc Thầy sai bảo; những việc gì khác thì tự mình nhận mà luôn luôn thực hành làm việc, không đợi đến lúc Thầy sai bảo; những việc gì khác thì tự mình biết ý thầy tùy theo sự việc mà thực hành. Những gì được thầy quý trọng, tùy thuận mà quý trọng như Thầy. Không nên dựa vào Thầy để cầu mong lợi dưỡng thế gian. Không mong được thầy khen ngợi. Không mong cầu danh tiếng, chỉ mong cầu pháp quý báu là trí tuệ. Thầy có sai lầm gì, thường thuận theo mà che giấu. Nếu Thầy bị người khích bác hoặc có sai lầm lộ rõ, thì nên tìm cách che giấu giúp thầy. Thầy có công đức thì nên ca ngợi truyền bá khắp nơi, tâm hết sức yêu thích thuận theo thọ trì giải thích rõ ràng, tư duy về nghĩa lý và thực hành đúng như giáo thuyết. Cầu mong lợi mình và lợi người, thì đừng làm hạng đệ tử lỗi lầm, đừng làm hạng đệ tử tai họa, đừng làm hạng đệ tử dơ bẩn, đừng làm hạng đệ tử suy nhược, đừng làm hạng đệ tử không ích lợi gì. Không có những lỗi lầm như vậy, chỉ trú trong pháp của hàng đệ tử khéo léo mà cung cấp đối với Thầy.

Như trong kinh bát Chu nói: “Đức Phật bảo với Bạt-đà-bà-la: Nếu Bồ-tát muốn đạt được Tam-muội này, thì phải chịu khó tinh tiến mà phát sinh tâm tôn trọng-tâm khó gặp đối với các vị Thầy. Nếu được nghe từ miệng, hoặc có được từ nơi quyển kinh, thì đối với vị Thầy này nên dùng tâm hết sức cung kính mà sinh tâm như cha mẹ, tâm như bậc

thiện tri thức, tâm như bậc Đại sư, bởi vì bậc Thầy là người có năng lực giải thích về pháp như vậy, để giúp cho đạo Bồ-đề.

Này Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, hoặc người cầu Thanh văn mà theo Thầy đọc tụng giáo pháp này, nhưng không sinh tâm cung kính sâu sắc-tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức- tâm như bậc Đại sư, có thể thông suốt được pháp này khiến cho không quên mất và tồn tại không diệt đi, thì điều này không hề có. Tại vì sao? Này Bạt-đà-bà-la! Bởi vì nhân duyên không cung kính, cho nên Phật pháp sẽ hủy diệt. Vì vậy, này Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, hoặc người cầu Thanh văn, đối với điều mà mình nghe được, đọc tụng-viết chép giáo pháp này, sinh tâm cung kính sâu sắc, tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức-tâm như bậc đại sư, thì đối với sự đọc tụng-viết chép chưa được sẽ khiến cho được, đã được sẽ làm tồn tại lâu dài, điều này thật sự là có. Tại vì sao? Bởi vì tâm cung kính cho nên Phật pháp không hủy diệt. Vì vậy, này Bạt-đà-bà-la! Nat Ta bảo với ông, đối với vị Thầy này mà thuận theo sinh tâm cung kính sâu sắc, tâm như cha mẹ-tâm như bậc thiện tri thức-tâm như bậc Đại sư. Vậy là thuận theo lời Ta đã nói”.

Phẩm 33: QUẢ HỔ TRỢ CHO THI LA

Bồ-tát như vậy, vì cầu đa văn và biết nghĩa của đa văn rồi thuận theo giáo thuyết mà thực hành, có năng lực làm cho Thi-la được thanh tịnh, pháp làm thanh tịnh cho Thi-la thì cần phải tu hành. Hỏi: Những pháp nào có thể làm cho Thi-la được thanh tịnh? Đáp:

Giữ gìn nghiệp của thân-miệng-ý cũng không được giữ gìn với pháp,

Chung quy không phát sinh ngã kiến, và loại trừ kiến chấp lẫn tạp,

Hồi hướng cho trí Tát-bà-nhã, bốn pháp này thanh tịnh Thi-la.

Hành giả tu tập bốn pháp này, thì Thi-la tự nhiên được thanh tịnh. Giữ gìn nghiệp của thân-miệng-ý, là luôn luôn cần phải chánh niệm về nghiệp của thân-miệng-ý, cho đến lỗi nhỏ cũng không làm, cho nên ở trong Độ nhất nghĩa nhưng cũng không cần phải bảo vệ pháp của ba nghiệp. Có người tuy thấy pháp, không nhưng nói là biết cái không còn tồn tại. Vì vậy, cho nên nói là không lẫn tạp kiến chấp về Ngã-kiến chấp về chúng sinh-kiến chấp về Nhân-kiến chấp về Thọ giả-kiến chấp

về Mạng giả... hồi hướng cho trí Tát-bà-nhã, là quả báo trì giới không mong cầu phước đức gì khác, chỉ vì cứu độ tất cả chúng sinh mà mong cầu Phật đạo. Đây là bốn pháp làm thanh tịnh cho Thi la. Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi la được thanh tịnh. Đó gọi là:

*Không có tâm chấp ngã-ngã sở,
Cũng không có Đoạn kiến-Thường kiến,
Phù hợp với pháp từ các duyên,
Thì có thể thanh tịnh Thi la.*

Không có tâm chấp ngã-ngã sở, là tâm không tham trước đối với ngã-ngã sở, chỉ biết tâm này điên đảo hư vọng chứ không có pháp nào là ngã. Không có đoạn kiến-thường kiến, bởi vì Đoạn kiến và Thường kiến thật là sai lầm. Phù hợp với pháp từ các duyên, biết các pháp từ các duyên mà sinh chứ không có tánh cố định, cho nên thực hành theo lý Trung đạo. Bốn pháp như vậy có năng lực làm cho Thi la được thanh tịnh. Lại có bốn pháp có năng lực làm cho Thi-la được thanh tịnh. Đó gọi là:

*Thực hành theo bốn hạnh Thánh chủng,
Cùng với mười hai hạnh Đầu-đà,
Cũng không thích ồn ào đông đúc,
Suy nghĩ vì sao mà xuất gia?*

Bốn Thánh chủng, đó gọi là chỉ muốn có được y phục vừa đủ, chỉ muốn có được đồ ăn thức uống vừa đủ, chỉ muốn có được vật dụng ngồi-nằm vừa đủ, vui với đoạn trừ dục lạc mà tu hành.

Mười hai hạnh Đầu-đà, đó gọi là thọ pháp A-la-nhã, thọ pháp khất thực, khoác y phẩn tảo, ngồi ăn một lần, thường ngồi, sau bữa ăn không nhận đồ ăn thức uống phi thời, chỉ có ba y, y bằng lông thú, tùy nơi trải chỗ ngồi, ở dưới tán cây, ở nơi trống trải, ở giữa bãi tha ma.

Cũng không thích ồn ào đông đúc, là không hòa hợp với người tại gia hay xuất gia. Có người tuy thực hành theo pháp A-la-nhã, nhưng biết nhiều-hiểu nhiều cho nên qua lại với nhiều người. Vì vậy nói là không thích ồn ào đông đúc. Nếu đến chỗ khác thì dường như tâm không hòa hợp với mọi người.

Suy nghĩ vì sao mà xuất gia? Người thực hành Thi-la dấy lên ý niệm như vậy: Vì sao mà mình xuất gia? Suy nghĩ rồi thuận theo sự nghiệp xuất gia mà mong muốn thành tựu thực hành đúng như giáo thuyết. Đây là bốn pháp làm cho Thi-la thanh tịnh. Lại có bốn pháp có năng lực làm cho Thi-la được thanh tịnh. Đó gọi là:

Năm ấm không hề có sinh-diệt,

*Sáu tánh đều giống như pháp tánh,
Thấy sáu tình cũng hoàn toàn không,
Không đắm theo ngôn ngữ thế tục,
Thực hành bốn pháp đúng như vậy,
Cũng có thể thanh tịnh Thi-la.*

Năm ấm không hề có sinh-diệt, là bởi vì tư duy về năm ấm từ gốc đến ngọn. Thấy năm ấm không có gì sinh-diệt, là thấy sáu tánh của đất-nước... giống như pháp tánh, như pháp tánh không thể nào đạt được thì sáu tánh cũng không thể nào đạt được. Biết sáu tình tuy là khổ-vui..., nhưng tâm-tâm sở là pháp nhân duyên, dùng chánh trí truy xét tìm hiểu, cũng biết đều là không, hiểu thấu suốt cả ba loại đều biết rõ là không, có hành giả tham đắm vào không thì trở lại gây chướng ngại cho đạo, vì vậy nói là đừng tham đắm vào không, thuận theo thế tục mà nói đến tên gọi của không. Pháp như vậy thì có năng lực làm thanh tịnh Thi-la.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao nói đến các pháp năm ấm?

Đáp: Bởi vì không các pháp năm ấm đều không; cuối cùng nói đừng đắm vào không, là đối với cái không cũng cần phải buông bỏ. Như vậy không có pháp nghi ngờ tà vạy nào làm trở ngại đến Thi-la.

Hỏi: Các pháp năm ấm, bởi vì có tướng thích hợp với tướng, cho nên quyết định là có. Như nói sắc là tướng khổ não, cảm giác khổ-vui là tướng thọ. Hiện có các tướng thuộc loại như vậy, tại sao nói là chẳng phải không-chẳng phải không thể không? Đáp:

*Khổ não hư hoại là tướng sắc
Như thế nào là tướng sắc này?
Nếu như khổ não là tướng sắc,
Rời xa tướng không thể có tướng,
Thì tướng này thuộc về nơi nào
Không có tướng không thể có tướng?
Thế giới này chung quy không có,
Không có tướng-có thể có tướng,
Tướng cùng với có thể có tướng,
Chẳng phải hợp-chẳng phải không hợp.
Nó đến không có mới bắt đầu,
Ra đi cũng không có nơi đến,
Nếu như có hợp và không hợp,
Thì trở thành tướng hợp với tướng.
Như vậy, thì làm cho sai lạc,
Tướng của tướng và hợp với tướng,*

Vì tướng trở thành hợp với tướng
 Tướng cũng không tự mình thành tự.
 Tướng tự nó không thể thành tự,
 Làm sao trở thành hợp với tướng?
 Thế giới này thật là đáng buồn,
 Phân biệt tướng và hợp với tướng,
 Những nẻo đã làm cho mê hoặc,
 Bị tà sư thường xuyên lừa gạt.
 Tướng hợp với tướng thì như vậy,
 Không có tướng-không thể có tướng,
 Mắt trông thấy sự việc như vậy,
 Như thế nào là không thể biết?
 Hễ chấp vào tướng hợp với tướng,
 Phát sinh những hý luận như vậy,
 Tùy theo lúc khởi lên hý luận,
 Thì rơi vào xứ sở phiền não.

Vả lại hành giả dùng pháp môn không đến-không đi để quán sát tánh của các ấm phù hợp với không. Như nói:

Các pháp của sinh-lão-bệnh-tử,
 Lúc sinh không có nơi nào đến,
 Các pháp của sinh-lão-bệnh-tử,
 Lúc diệt không có nơi đi về.
 Tánh của các ấm giới và nhập,
 Lúc sinh không từ nơi nào đến,
 Lúc diệt không có nơi đi về,
 Nghĩa lý của Phật pháp như vậy.
 Như lửa cháy chẳng phải công người,
 Cũng không thuộc về cọng xát cây,
 Trong hòa hợp cũng không có gì,
 Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
 Củi cháy hết thì lửa sẽ tắt,
 Tắt rồi không có nơi đi về,
 Các duyên hòa hợp cho nên có,
 Duyên phân tán thì đều là không.
 Nhãn thức cũng hoàn toàn như vậy,
 Nó không tồn tại ở trong mắt,
 Nó không tồn tại ở trong sắc,
 Cũng không tồn tại ở khoảng giữa.

Không tồn tại ở trong hòa hợp,
Cũng không thể xa rời hòa hợp,
Cũng không từ nơi khác mà đến,
Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
Hòa hợp phân tán thì không có,
Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc sinh không từ nơi nào đến,
Lúc diệt không có nơi đi về,
Như tâm lực của loài rồng kia,
Mà có mây âm u xuất hiện,
Không từ nơi thân rồng xuất hiện,
Cũng không từ nơi khác mà đến.
Nhưng mây âm u rộng lớn này,
Tuôn mưa đầy khắp nơi thế giới,
Sau đó cũng đến lúc ngừng hẳn,
Cũng không có nơi nào đi về.
Như mây không có đến và đi,
Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc sinh không từ nơi nào đến,
Lúc diệt không có nơi đi về.
Như hình người vẽ trên bức tường,
Không thuộc về mỗi một đường nét,
Cũng không tồn tại trong hòa hợp,
Giữa bức tường lại cũng không có.
Nơi người thợ vẽ cũng không có,
Trong bút họa vẽ cũng không có,
Không từ nơi chốn khác mà đến,
Nhưng nhờ vào hòa hợp mà có.
Hòa hợp phân tán thì không có,
Các pháp cũng hoàn toàn như vậy,
Lúc có không từ nơi nào đến,
Lúc không chẳng có nơi đi về.
Đèn tỏa sáng không thuộc về dầu,
Cũng không xuất hiện từ bắc đèn,
Cũng không từ nơi khác mà đến,
Mà nhờ vào dầu-bắc đèn cháy.
Nhân duyên không còn thì diệt mất,
Lúc diệt không có nơi đi về,

*Tướng đến và đi của các pháp,
Lại cũng đều hoàn toàn như vậy,*

Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh. Đó gọi là:

*Luôn luôn tự suy nghĩ về mình,
Không tự cao-hạ thấp người khác,
Hai điều này không hề đạt được,
Tâm nhờ đó không còn kiêu mạn,
Quán xét các pháp đều bình đẳng,
Bốn pháp này thanh tịnh Thi-la.*

Luôn luôn tự suy nghĩ về mình, hành giả dấy lên ý niệm như vậy: Thân mình là tướng bất tịnh-vô thường-chết chóc, nào có gì đáng giá? Suy nghĩ như vậy rồi, thì không tự cao-hạ thấp người khác, tin và hiểu thân mình cùng với người khác không có ngã-ngã sở, vốn không có gì đạt được.

Nương tựa là đạt được pháp như vậy, cho nên tâm tư thanh thản nhẹ nhàng có thể tiếp nhận được pháp. Từ đây dựa vào tâm vui vẻ không còn tự cao.

Quán xét các pháp đều bình đẳng, dùng lý không để quán xét tất cả các pháp hữu vi-vô vi thấy đều bình đẳng chứ không có Thượng-Trung-Hạ sai biệt. Như nói:

*Nếu như phải dựa vào bậc Hạ,
Mà phát sinh bậc Trung-bậc Thượng,
Thì bậc Hạ không làm Trung-Thượng,
Tại sao dựa vào Hạ mà có?
Bậc Hạ tự làm thành bậc Hạ,
Trung-Thượng trước kia quyết định có.
Nếu như phải dựa vào bậc Trung,
Mà phát sinh bậc Hạ-bậc Thượng,
Thì bậc Trung không làm Hạ-Thượng,
Tại sao dựa vào Trung mà có?
Bậc Trung tự làm thành bậc Trung,
Hạ-Thượng trước kia nhất định có.
Nếu như phải dựa vào bậc thượng,
Mà phát sinh bậc Trung-bậc Hạ,
Thì bậc Thượng không làm Trung-Hạ,
Tại sao dựa vào Thượng mà có?
Bậc Thượng tự làm thành bậc Thượng,*

*Trung-Hạ trước kia nhất định có,
 Dựa vào bậc Hạ không làm được,
 Không dựa vào cũng không có được,
 Nếu như trước kia nhất định có,
 Thì không cần dựa vào bậc Hạ.
 Nếu trước kia nhất định không có,
 Thì tại sao trở thành Trung-Thượng?
 Dựa vào bậc Trung không làm được,
 Không dựa vào cũng không có được,
 Nếu như trước kia nhất định có,
 Thì không cần dựa vào bậc Trung.
 Nếu trước kia nhất định không có,
 Thì tại sao trở thành Hạ-Thượng?
 Dựa vào bậc Thượng không làm được,
 Không dựa vào cũng không có được,
 Nếu như trước kia nhất định có,
 Thì không cần dựa vào bậc Thượng.
 Nếu trước kia nhất định không có,
 Thì tại sao trở thành Trung-Hạ?*

Vả lại, dùng một tướng không để quán xét các pháp đều bình đẳng, chúng sinh cũng như vậy.

*Người trí ở trong lý pháp không,
 Chẳng hề nói đến tướng phân biệt,
 Lý không chỉ một mà không khác,
 Luôn luôn thấy lý không như vậy.
 Đó gọi là được thấy Đức Phật,
 Bởi vì Phật chẳng khác với không,
 Giải thích rằng chư Phật là một,
 Tất cả chúng sinh đều là một.
 Tất cả các pháp cùng một pháp,
 Không hề phân biệt Thượng-Trung-Hạ,
 Hết thấy mười phương Phật Thế tôn,
 Là xa tự tánh và tha tánh.
 Hết thấy các chúng sinh mười phương,
 Cũng là xa tự tánh-tha tánh,
 Tất cả các pháp cũng như vậy,
 Là xa tự tánh và tha tánh.
 Bởi vì có nhân duyên như vậy,*

Cho nên gọi là cùng một tướng,
 Có chư Phật thì trở thành sai,
 Không có chư Phật cũng là sai.
 Có các chúng sinh trở thành sai,
 Không có các chúng sinh là sai,
 Có các pháp thì trở thành sai,
 Không có các pháp cũng là sai.
 Lìa xa đối với có và không,
 Cho nên gọi là bình đẳng,
 Hết thấy mười phương Phật Thế tôn,
 Hết thấy chúng sinh và các pháp;
 Tất cả không thể nào chấp lấy,
 Đó gọi là các pháp bình đẳng,
 Hết thấy chư Phật và chúng sinh,
 Cùng các pháp không hề sai biệt.
 Bởi vì không thể nào phân biệt,
 Cho nên gọi đó là bình đẳng,
 Chư Phật cùng với các chúng sinh,
 Cho đến cùng tất cả các pháp;
 Hòa vào trong sinh-trú-dị-diệt,
 Vắng lặng hoàn toàn không hề có,
 Cũng không từ nơi nào mà đến,
 Lại cũng không có nơi đi về.
 Bởi vì không có đến và đi,
 Cho nên gọi đó là bình đẳng,
 Chư Phật cùng với các chúng sinh,
 Cho đến cùng tất cả các pháp;
 Hết thấy đều không hề vốn có,
 Vượt qua tất cả pháp hữu vi,
 Ba pháp này không phải bình đẳng,
 Lại cũng không phải không bình đẳng.
 Không bình đẳng mà đều bình đẳng,
 Đều bình đẳng nhưng không bình đẳng,
 Như vậy giải thích về các pháp,
 Đều bình đẳng không hề sai biệt.

Lại có bốn pháp, có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh. Như nói:

Khéo có thể tin hiểu lý không,
 Không kinh sợ với pháp vô tướng,

*Đại Bi đối với các chúng sinh,
Có năng lực chấp nhận vô ngã,
Thực hành bốn pháp đúng như vậy,
Cũng có thể thanh tịnh Thi-la.*

Hành giả hiểu rõ ràng các pháp không có tự tánh-không có tha tánh, cho nên gọi là tin hiểu lý không. Như nói:

*Đối với tất cả pháp vốn có,
Chung quy không sinh từ tự tánh,
Nếu như sinh ra từ các duyên,
Thì cần phải có từ nơi khác.
Không từ tự tánh mà sinh ra,
Làm sao từ nơi khác sinh ra,
Tự tánh đã không thể thành tựu,
Tha tánh lại cũng không có gì.
Nếu như là tự tánh mà sinh,
Thì không có gì là tự tánh,
Nếu như là xa với tự tánh,
Thì không có gì là tự tướng.
Tự tánh và tướng của tự tánh,
Không bởi vì hòa hợp mà có,
Không bởi vì phân tán mà không,
Hai nhất định có thì không có.
Tha tánh không thể sinh ra pháp,
Tự tánh cũng không thể phát sinh
Tự tánh-tha tánh cũng không thể,
Lìa bỏ cả hai cũng không sinh.
Nếu như không hề có tự tánh,
Thì tại sao từ nơi khác sinh,
Bởi vì lìa xa pháp thế tục,
Thì không có tự tánh-tha tánh.
Nếu tha tánh từ nơi khác sinh,
Thì tha tánh chẳng có tự thể,
Không có thể thì chẳng phải có,
Lấy vật gì mà sinh tha tánh?
Bởi vì không hề có tự thể,
Nơi khác sinh lại cũng không có,
Bởi vì bốn loại đều là không,
Chẳng pháp nào quyết định sinh diệt.*

Không kinh sợ đối với pháp vô tướng, là bởi vì tin và vui với sự xa
lìa các tướng, cho nên không có gì kinh sợ. Như nói:

*Nếu như tất cả là vô tướng,
Thì tất cả chính là có tướng,
Pháp tịch diệt đều là vô tướng,
Thì pháp này trở thành pháp có.
Nếu như quán pháp là vô tướng,
Thì vô tướng chính là có tướng,
Nếu như nói tu pháp vô tướng,
Thì không phải là tu vô tướng.
Nếu như buông bỏ những chấp trước,
Thì đó gọi là tu vô tướng,
Chấp vào tướng buông bỏ chấp trước,
Thì trở thành chẳng giải thoát gì.
Tất cả bởi vì có chấp lấy,
Vì chấp lấy mà có buông bỏ,
Lìa chấp lấy-chấp lấy điều gì,
Thì đó gọi là buông bỏ.
Chấp lấy mà vận dụng chấp lấy,
Cùng với pháp có thể chấp lấy,
Tất cả rời xa đều không có,
Thì đó đều gọi là tịch diệt.
Nếu pháp dựa nhau mà thành tự,
Thì pháp này sẽ không có tướng.
Nếu như pháp không hề có tánh,
Thì pháp này chính là vô tướng,
Tại sao nói pháp là vô tánh,
Thì pháp ấy gọi là vô tướng?
Nếu như bởi vì có và không,
Thì cũng ngăn chặn-cũng thuận theo,
Tuy nói rằng tâm không chấp trước,
Nhưng thật ra thì không có lỗi.
Nơi nào trước kia vốn có pháp,
Mà sau đó không thể diệt mất?
Nơi nào trước kia có như vậy,
Mà sau đó lại có diệt đi?
Đây là có tướng của tịch diệt,
Và không có tướng của tịch diệt,*

*Vì vậy cho nên nói tịch diệt,
 Vì vậy cho nên nói tịch diệt,
 Cùng với ngôn ngữ của tịch diệt.
 Từ trước đến nay chẳng tịch diệt,
 Cũng không phải là không tịch diệt,
 Cũng chẳng tịch diệt-không tịch diệt,
 Đều là tịch diệt-không tịch diệt.*

Đại bi đối với các chúng sinh, bởi vì chúng sinh là vô lượng vô biên, cho nên tâm Bi cũng rộng lớn bao la. Vả lại, pháp của chư Phật là vô lượng vô biên, vô tận giống như hư không, tâm Bi là pháp căn bản của chư Phật, có năng lực đạt được Đại pháp nên gọi là Đại Bi. Người vĩ đại nhất trong tất cả chúng sinh, cho nên tôn xưng là Phật. Công hạnh của Phật vận dụng gọi là Đại bi.

Chấp nhận với pháp vô ngã, là bởi vì tin và vui với pháp chân thật, chư Phật đều chung một đạo quả Niết-bàn, gọi là pháp vô ngã. Nếu như tiến vào trong pháp này mà tâm không thể chấp nhận, thì giống như cọng cỏ nhỏ bé đưa vào ngọn lửa sẽ bị cháy hết. Nếu như vàng ròng đưa vào ngọn lửa, có thể chịu được sức nóng thì không có sự tổn thất như vậy. Nếu người phàm phu không tu tập thiện căn mà tiến vào trong pháp vô ngã, không có năng lực chịu đựng nổi thì sẽ nảy sinh tà kiến nghi ngờ. Bồ-tát thì từ vô lượng đời kiếp đến nay tu tập thiện căn, có trí tuệ sắc bén được chư Phật gia hộ, tuy chưa đoạn kết sử nhưng tiến vào trong pháp vô ngã mà tâm có năng lực tiếp nhận và chịu đựng được. Pháp vô ngã chính là các pháp như Âm-Giới-Nhập và mười hai nhân duyên... Nhân duyên phá chấp ngã như trước đã nói. Vì vậy muốn làm cho Thi-la được thanh tịnh thì nên thực hành bốn pháp này. Lại nữa:

*Có bốn loại phá hỏng Thi-la,
 Nhưng tựa như giữ gìn Thi-la,
 Người thực hành cần phải tinh tiến,
 Tự chế ngự cẩn thận đừng làm!*

Trong phẩm Ca Diếp-kinh Bảo Đảnh nói: “Đức Phật bảo với Ca-diếp: Có bốn loại Tỳ-kheo phá giới nhưng tựa như Tỳ-kheo trì giới. Những gì là bốn loại? Đây Ca-diếp! Có Tỳ-kheo ở trong kinh giới đều có năng lực thực hành đầy đủ mà nói là có ngã. Đây Ca-diếp! Đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, đây Ca-diếp! Có Tỳ-kheo trì tụng kinh luật giữ gìn giới hạnh, ở trong thân kiến không lay động-không lia bỏ, đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, đây Ca-diếp! Có Tỳ-kheo thực hành đầy đủ mười hai hạnh Đầu-đà, nhưng thấy các pháp

chắc chắn là có, đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo duyên với chúng sinh mà thực hành tâm từ, nghe các hành không có tướng sinh thì tâm kinh sợ. Đó gọi là phá giới mà tựa như trì giới. Này Ca-diếp! Đây là bốn loại người phá giới mà tựa như trì giới. Lại nữa:

*Giáo thuyết mà Thế Tôn giảng dạy,
Sa-môn có bốn loại phân biệt,
Nên làm Sa-môn loại thứ tư,
Xa lìa ba loại Sa-môn trước.*

Trong phẩm Ca-diếp nói: “Bốn loại Tỳ-kheo, thì nên học theo loại Sa-môn thứ tư, không nên học theo ba loại trước. Những gì là bốn? Đức Phật bảo với Ca-diếp: Có bốn loại Sa-môn, một là Sa-môn hình dáng sắc tướng, hai là Sa-môn oai nghi kỳ lạ, ba là Sa-môn tham cầu danh lợi, bốn là Sa-môn công hạnh chân thật. Tại sao gọi là Sa-môn hình dáng sắc tướng? Bởi vì có hình dáng Sa-môn sắc tướng của Sa-môn. Đó gọi là khoác y Tăng-già-lê, cạo bỏ râu tóc, ôm giữ bình bát đen, mà thực hành thân nghiệp bất tịnh-khẩu nghiệp bất tịnh-ý nghiệp bất tịnh, không mong cầu vắng lặng, không mong cầu thiện pháp, tham lam bỏn xẻn-lười nhác mà làm những điều ác-phá giới chứ không thích tu đạo. Đó gọi là Sa-môn hình dáng sắc tướng. Thế nào là Sa-môn oai nghi kỳ lạ? Có Sa-môn đầy đủ oai nghi, suy xét tướng tận-thanh thân yên lành mong có được cơm áo, thực hành công hạnh bậc Thánh, không hòa hợp với người tại gia-xuất gia, ít chuyện trò nói năng. Dùng những công hạnh này, mong cảm được ý người với tâm không thanh tịnh. Oai nghi như vậy không vì thiện pháp, không vì vắng lặng mà thấy các pháp chắc chắn là có, đối với pháp không chẳng hề vốn có thì sợ như rơi xuống hố sâu, thấy người nói lý không thì sinh ý tưởng như kẻ thù. Đó gọi là Sa-môn oai nghi kỳ lạ.

Thế nào là Sa-môn tham cầu danh lợi? Có Sa-môn tuy gắng gượng có thể trì giới, nhưng dấy lên ý niệm như vậy: Làm sao để người ta biết mình trì giới? Gắng gượng cầu đa văn, làm sao để người ta biết mình có đa văn? Gắng gượng thực hành theo pháp A-lan-nhã, làm sao để người ta biết mình là hành pháp A-la-nhã? Gắng gượng thực hành công hạnh xa lìa-ít ham muốn-biết vừa đủ, làm sao để người ta biết mình ít ham muốn-biết vừa đủ và thực hành theo pháp xa lìa? Bởi vì không phải là tâm chán ngán lìa xa, bởi vì không phải là diệt trừ phiền não, bởi vì không phải là cầu tiến thẳng vào Thánh đạo, bởi vì không phải là Niết-bàn, bởi vì không phải là cứu độ tất cả chúng sinh, cho nên đó gọi là

Sa-môn tham cầu danh lợi.

Thế nào là Sa-môn công hạnh chân thật? Có Sa-môn đối với thân mạng hãy còn không tham tiếc, huống gì là tiếc nuôi danh lợi. Nghe các pháp không chẳng hề vốn có thì tâm vô cùng hoan hỷ, thuận rõ lý không hãy còn không chấp trước, huống gì là chấp trước, huống gì là chấp trước Ngã-Nhân-chúng sinh_thọ giả-Mạng giả-Tri giả-Kiến giả? Ở trong các phiền não mà cầu giải thoát chứ không ở bên ngoài để mong cầu, quán xét tất cả các pháp xưa nay vốn thanh tịnh-không cấu nhiễm. Người này chỉ dựa vào chính mình chứ không dựa vào nơi nào khác. Vì thật tướng của các pháp mà Pháp thân hãy còn không tham, huống gì là sắc thân? Thấy pháp lia xa tướng mà không dùng đến ngôn từ diễn đạt, Thánh chúng vô vi hãy còn không phân biệt, huống gì là chúng hội phạm phu? Không vì đoạn trừ-không vì tu tập cho nên không ghét sinh tử-không thích Niết-bàn, chẳng có gì trói buộc-chẳng có gì cởi bỏ. Biết rõ pháp của chư Phật không có tướng quyết định, biết rồi không qua lại trong sinh tử, lại cũng không diệt mất. Này Ca-diếp! Đó gọi là Sa-môn thuận theo công hạnh chân thật. Này Ca-diếp! Các ông nên chịu khó thực hành công hạnh chân thật của Sa-môn, đừng bị tên gọi làm cho tổn hại! Lại nữa:

*Không vì pháp luật của vua chúa,
Mà giữ gìn đối với Thi-la,
Cũng không dựa vào những nơi sinh,
Mà giữ gìn đối với Thi-la.*

Hành giả muốn làm cho Thi-la thanh tịnh, không cần phải vì pháp luật của hàng vua chúa. Pháp luật của hàng vua chúa, như Đức Phật thuyết giảng cho Lực sĩ Tịnh đức: “Này người thiện nam! Thi-la của Bồ-tát thì ngay cả nhân duyên mất mạng mà vẫn không phá giới. Không mong làm Quốc Vương mà trì giới, không mong sinh lên cõi trời mà trì giới; không mong làm Thích Đề Hoàn Nhân, không mong làm Phạm Thiên Vương, không vì giàu có vui sướng tự tại mà trì giới. Không vì danh tiếng ca ngợi mà trì giới. Không vì lợi dưỡng mà trì giới. Không vì thọ mạng mà trì giới. Không vì ăn uống-áo quần-đồ nằm-thuốc thang và vật dụng cung cấp cho đời sống mà trì giới.

Không dựa vào pháp của những nơi sinh, là không vì sinh trong trời-người mà trì giới, không dựa vào mình mà trì giới, không dựa vào người khác mà trì giới, không dựa vào đời này mà trì giới, không dựa vào đời sau mà trì giới. Không dựa vào sắc-thọ-tướng-hành-thức mà trì giới. Không dựa vào nhãn, không dựa vào nhập, không dựa vào nhĩ-tỷ-

thiệt-thân-ý mà trì giới. Không dựa vào cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô Sắc mà trì giới. Không vì được thoát khỏi đường ác của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la mà trì giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu trong cõi trời mà trì giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu trong cõi người mà trì giới. Không vì nỗi sợ nghèo thiếu của loài Dạ-xoa mà trì giới”.

Hỏi: Nếu không vì những pháp như vậy, thì vì pháp gì mà trì giới?

Đáp:

*Vì mong muốn làm cho Tam bảo,
Tồn tại lâu dài mà trì giới,
Vì mong muốn có được đủ lợi,
Lợi ích cho người mà trì giới.*

Tam bảo tồn tại lâu dài, là vì không đoạn dứt dòng đời của Phật cho nên trì giới, vì chuyển pháp luân cho nên trì giới, vì thâm nhiếp Thánh chúng cho nên trì giới, vì thoát khỏi sinh-lão-bệnh-tử-ưu bi khổ não cho nên trì giới, vì cứu độ tất cả chúng sinh cho nên trì giới, vì làm cho tất cả chúng sinh được an lạc cho nên trì giới, vì làm cho chúng sinh đến được nơi an lạc cho nên trì giới, vì tu thiền định cho nên trì giới, vì trí tuệ giải thoát-giải thoát tri kiến cho nên trì giới. Sự việc này nói rộng ra như trong kinh Tịnh Đức.

*Bồ-tát có năng lực như vậy,
Thì thành tựu đối với Thi-la,
Không mất đi mười điều lợi ích,
Cùng với các loại lợi ích khác.
Lại cũng không còn sợ rơi vào,
Bốn nơi hiểm nạn và tà đạo,
Không gặp phải bốn pháp mất mát,
Không gặp phải bốn pháp hư hoại.
Nhưng có được pháp không lừa dối,
Bốn pháp bình đẳng với chư Phật,
Có năng lực vượt qua địa ngục,
Và mười sự việc luôn sợ hãi.*

Không mất đi mười điều lợi ích, là không mất lợi ích thường làm Chuyển luân Thánh vương, thường ở trong đó không mất đi tâm không phóng túng, không mất lợi ích thường làm Thích Đề Hoàn Nhân thường ở trong đó không mất đi tâm không phóng túng thường không mất tâm cầu đạo của chư Phật, thường không mất sự nghiệp giáo hóa của các Bồ-tát, thường không mất năng lực lạc thuyết biện tài, thường không mất sở nguyện gieo trồng các thiện căn-phước đức đầy đủ, thường không mất

lợi ích được chư Phật Bồ-tát Thánh hiền khen ngợi, thường không mất lợi ích nhanh chóng có năng lực đầy đủ tất cả trí tuệ. Đây là mười điều lợi ích.

Các loại lợi ích, là đối với các loại công đức không hề lui sụt. Như trong kinh nói: “Bồ-tát khéo léo giữ giới, thường được chư Thiên khen ngợi, các Long vương khéo bảo vệ, mọi người đều cúng dường thường được chư Phật gia hộ, thường làm bậc Đại sư của thế gian, nghĩ đến chúng sinh với tâm Từ Bi”.

Không rơi vào bốn nơi hiểm nạn cùng với tà đạo, là Bồ-tát có năng lực thành tựu Thi-la như vậy, thì không rơi vào bốn hiểm nạn:

1. Không sinh vào nơi không có Phật.
2. không sinh vào nhà tà kiến.
3. Không sinh vào cõi trời Trường thọ.
4. Không rơi vào tất cả các đường dữ.

Có được bốn pháp không mất:

1. Không mất tâm Bồ đề.
2. Không mất ý niệm về Phật.
3. Không mất tâm thường cầu đa văn.
4. Không mất ý niệm về sự việc của vô lượng đời kiếp.

Không gặp phải bốn pháp hư hoại:

1. Không gặp pháp hư hoại.
2. Không gặp chiến tranh.
3. Không gặp điều ác độc.
4. Không gặp nạn đói kém.

Có được bốn pháp không lừa dối:

1. Không lừa dối chư Phật mười phương.
2. không lừa dối chư Thiên thiện thần.
3. Không lừa dối chúng sinh.
4. Không tự lừa dối mình.

Lại vượt qua mười điều sợ hãi, Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy, có năng lực vượt qua mười điều sợ hãi như rơi vào địa ngục... Những gì là mười? Đó là:

1. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của địa ngục.
2. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của súc sinh.
3. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của nạ quỷ.
4. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của sự nghèo khổ.
5. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hại của sự phỉ báng-chỉ trích và tiếng xấu.

6. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi bị các phiền não che phủ.

7. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi rơi vào phạm vi của Thanh văn và Bích-chi-Phật.

8. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của trời-người, rồng, thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.

9. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi bị chiến tranh-chất độc-lụt lợi-hoạn-sư tử-hổ lang-người khác làm hại.

10. Có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi của tà kiến.

Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy, thì có năng lực trú trong pháp của chư Phật, đó gọi là bốn mươi pháp bất cộng, có thể trở thành bậc pháp khí để duy trì Tam bảo.

Phẩm 34: CA NGỢI GIỚI

Bồ-tát trì Thi-la thanh tịnh như vậy, có năng lực thâm nhiếp mọi ích lợi của loại công đức, như Bồ-tát Vô Tận Ý trình bày. Vả lại, sơ lược ca ngợi một phần ít của Thi-la. Thi-la là niềm vui sướng bậc nhất của người xuất gia, như tuổi trẻ giàu sang đáng vui sướng. Có năng lực tăng trưởng thiện pháp, như mẹ hiền nuôi nấng con thơ. Có năng lực phòng hộ tai họa suy tổn, như người cha mẹ che chở cho con. Thi-la có năng lực thành tựu tất cả lợi ích to lớn cho những người xuất gia, như vậy hàng bạch y nhiều tiền của. Thi-la có năng lực cứu giúp tất cả khổ não, như công hạnh chính đáng thuận với đạo lý. Thi-la được người thiện kính trọng, như pháp báo ân. Thi-la được mọi người quý trọng, giống như thọ mạng. Thi-la được người trí coi trọng, như trí tuệ. Người cầu giải thoát khéo giữ gìn thi-la, như Đại thần giữ gìn sự việc bí mật của nhà vua. Người vui với lợi ích của đạo thì quý trọng Thi-la, như vui với Niết-bàn thì quý trọng Phật pháp. Người trí tuệ khéo giữ gìn Thi-la, như người tiếc mạng sống giữ gìn pháp an thân cứu thoát cái chết trong lúc cấp bách. Thi-la là cao nhất, như gặp phải hoạn nạn nguy cấp mà có được bậc thiện tri thức. Thi-la thanh tịnh trang nghiêm cho người đức hạnh, như con gái gia đình cao quý hổ thẹn không có gì sai sót. Thi-la chính là cửa đầu tiên của công đức, như không đua nịnh quanh co mở thông những lợi ích tốt lành. Thi-la là gốc bậc nhất của phạm hạnh, như tâm thẳng thắn là căn bản của chánh kiến. Các pháp của bậc Đại nhân lấy Thi-la làm căn bản, như cầu quả vị cao quý lấy tâm thẳng thắn làm căn bản.

Thi-la chính là kho báu của công đức, như không phóng túng, cũng như chánh niệm có năng lực phát sinh mọi lợi ích; cũng như bạn hiền thì đầu-giữa-sau tốt lành. Người học theo chánh pháp không vượt quá được, như biển luôn luôn có giới hạn.

Thi-la chính là trú xứ của công đức, cũng như mặt đất là nơi nương tựa của vạn vật. Thi-la tưới thấm thêm cho các công đức thiện, cũng như trời mưa tưới thấm thêm cho hạt giống. Thi-la có năng lực thành tựu năm căn, như lửa làm chín muối mọi vật. Thi-la có năng lực sinh ra những lợi ích, như gió thành tựu thân. Thi-la có năng lực tiếp nhận tất cả đạo quả, cũng như hư không dung nạp vạn vật, cũng như chiếc bình may mắn tùy theo nguyện ước đều đạt được, cũng như bữa cơm ngon có lợi ích cho các căn.

Thi-la có năng lực dễ dàng thông suốt các đạo lý, có năng lực làm cho các căn thanh tịnh vô ngại. Thọ mạng của trí tuệ lấy Thi-la làm căn bản, giống như mạng sống của thân lấy hơi thở làm căn bản. Thi-la chính là nơi nương tựa tối thượng, như dân chúng nương tựa nhà vua. Thi-la chính là chúa tể của mọi công đức, như đức tướng giữa ba quân. Thi-la được nhiều điều vui sướng như người vợ tùy ý luôn luôn xứng với tâm người chồng. Nếu cầu Niết-bàn và sinh lên cõi trời, thì Thi-la chính là vật dụng giúp đỡ cho người học đạo, như người đi xa nhất định phải mang theo áo quần lương thực. Thi-la dẫn đưa người khiến cho đến được nơi tốt lành, như đi qua con đường hiểm trở có được người dẫn đường khéo léo. Thi-la đưa người vượt qua từ sinh tử, giống như con tàu vững chắc có năng lực vượt qua biển rộng. Thi-la có năng lực diệt trừ tai họa của các phiền não, giống như vị thuốc tốt có năng lực tiêu trừ mọi căn bệnh. Thi-la là vũ khí có năng lực chế ngự giặc ma, như binh khí sắc bén có năng lực chống trả quân thù giữa trận chiến. Thi-la dẫn đưa người thoát khỏi những sự suy hoại khổ não và thuận theo che chở không rời, như che chở người thân yêu trải qua hoạn nạn không rời xa. Thi-la có năng lực soi sáng sự ngu si tối tăm của đời sau, như ngọn đèn lớn có năng lực trừ diệt u ám tối tăm. Thi-la đưa người ra khỏi những đường ác, như vượt qua sông sâu có được cây cầu tốt lành. Thi-la có năng lực trừ diệt phiền não nóng bức, như căn nhà mát lành có năng lực loại trừ nắng nóng hiểm ác. Thi-la có năng lực cứu người sắp rơi vào đường dữ, như dũng sĩ cầm gươm cứu giúp người đang sợ hãi.

Người phàm phu cần phải hết sức quý trọng Thi-la, như các Bồ-tát học theo thắng xứ của Đế. Người thực hành khéo léo hành trì Thi-la, như các Bồ-tát thực hành thắng xứ của xả. Người đạt được quả vị khéo

léo tu trì Thi-la, cũng như Bồ-tát tu trì thắng xứ của Diệt; hộ trì Thi-la khiến cho người đạt được quả vị, cũng như Bồ-tát tu tập thắng xứ của Tuệ.

Người không phá hoại pháp có năng lực làm cho Thi-la thanh tịnh, như các Bồ-tát thanh tịnh vô cấu. Những hạng người ác rời bỏ Thi-la, như hạng đua nịnh quanh co rời bỏ tâm ngay thẳng. Người phóng túng không thực hành Thi-la, như người tham lam keo kiệt không thực hành Bồ thí. Người phóng túng rời bỏ Thi-la, như người hý luận rời xa pháp vắng lặng. Người ngu si không có Thi-la, giống như người mù không trông thấy màu sắc rực rỡ. Người không có tư duy cách xa Thi-la, như rời bỏ tám Thánh đạo cách xa Niết-bàn. Người thiện yêu quý thân mình rất thích Thi-la, như A-la-hán hết sức yêu thích đối với pháp.

Thi-la có năng lực làm cho không còn phiền não, thiện pháp nối tiếp nhau không đoạn dứt, như Phật xuất thế thực hành mọi điều thiện không chấm dứt. Thi-la có năng lực làm cho các đạo quả tồn tại, như thần lực của Phật làm cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Thi-la như Phật tự lợi mình và làm lợi ích cho người. Thi-la khéo léo giữ gìn mọi công đức thiện căn, như vị vua biết thời thế có năng lực bảo vệ được lãnh thổ quốc gia. Thi-la làm yên lòng người thực hành, như quả Tu-đà-hoàn, đúng lúc phát khởi việc làm về sau không có gì hối tiếc. Thi-la đến cuối cùng chắc chắn đạt được Niết-bàn, như Bồ-tát nguyện đến kết quả cuối cùng được thành Phật. Thi-la cũng như thửa ruộng tốt-ao đầm thuận lợi, tìm đến để gieo trồng thì hạt giống nhanh chóng được tăng trưởng. Thi-la là nhân của các hạnh, như biết thời cơ-phương pháp... là nhân tố thành tựu mọi việc, như người đoan nghiêm có phước đức trí tuệ được mọi người tôn quý. Thi-la như vậy thì mình và người đều tôn kính, như lúc phước đức thành thực thì tâm được yên ổn.

Thi-la có năng lực làm cho tâm được yên ổn tiếp nhận những quả báo lợi ích. Thi-la có năng lực làm cho người thực hành hoan hỷ, giống như con cái tốt lành làm cho tâm cha mẹ vui sướng. Thi-la là pháp vô úy không có gì sai lầm, như người không có lỗi lầm thì tâm không có gì sợ hãi. Thi-la làm cho người ở này hay đời sau không còn có sợ hãi, không có những tội ác. Cúng dường ca ngợi người trì Thi-la thì người khác cũng vui theo, tự biết mình có phần. Thi-la thân ái với chúng sinh, như tu định Từ. Thi-la diệt trừ đau khổ, như tu định Bi. Thi-la mang lại niềm vui, như tu định Hỷ. Thi-la không yêu không ghét, như tu xả. Thi-la được người tin tưởng như bốn cách nói thân thiện có năng lực làm cho người ta tin tưởng. Thi-la vui với thực hành, như tâm luôn luôn hoan hỷ

trong pháp thế gian. Thi-la là nhân tương ứng của lời nói và việc làm như nghe nhiều là nhân của lạc thuyết biện tài. Thi-la là nhân của vô úy, như biện tài không sợ hãi gì. Thi-la là nhân của danh tiếng, như thông suốt các kinh luận thì có danh xưng tốt đẹp. Thi-la là pháp có năng lực cứu giúp, như người dễ dàng các kinh luận thì có danh xưng tốt đẹp. Thi-la là pháp có năng lực cứu giúp, như người dễ dàng trò chuyện với nhau được người cứu giúp. Thi-la có năng lực thực hành thành tựu pháp giải thoát rõ ràng, như thực hành theo pháp giảng dạy. Thi-la là tướng của chư Phật, như đạo của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thi-la là pháp hỗ trợ tu đạo, như Định hỗ trợ cho Tuệ. Thi-la khiến cho người gặp nạn không còn sợ hãi gì, như ý chí và lòng can đảm to lớn không có gì sợ hãi. Thi-la là nơi tích tụ các công đức, giống như vật báu trong núi Tuyết, tích tụ công đức của Tín-Niệm..., nơi có thể nương tựa của những sự việc hy hữu. Thi-la giống như biển rộng có nhiều điều kỳ lạ vô cùng, cũng như quả ngọt nhờ vào cây tốt. Thi-la mang đến cho người những kết quả tùy theo sự ưa thích, như tùy theo người có trí tuệ đúng đắn thực hành sẽ đạt được. Thi-la gọi là không có nước mà trong sạch. Thi-la là mùi hương tuyệt diệu vô cùng, không sinh ra từ trong gốc thân cành lá hoa quả. Thi-la trang nghiêm vượt quá các loại châu báu trang sức, thường ở trên thân mình nhưng không có thể cướp được. Thi-la là niềm vui to lớn không phát sinh từ năm dục đời sau cũng có những quả báo vui sướng tuyệt vời. Thi-la là sự ca ngợi của tất cả trời-người-Ma-Phạm, Sa-môn, bà-la-môn ở thế gian. Thi-la là niềm vui sướng tự tại ở trong thân chứ không có được từ người khác. Thi-la là phương tiện tốt lành để sinh lên cõi trời và đến cảnh giới Niết-bàn. Thi-la là dòng sông của niềm tin thực sự có ích, không có bùn lầy-gạch đá-gai góc, tùy ý có thể bước vào và dễ dàng vượt qua không ngăn ngại gì. Thi-la là tiền của châu báu không có những sự suy tổn khổ sở. Thi-la là con đường sạch sẽ không ai năng lực phá hoại, giống như con đường bằng phẳng mọi người qua lại không có gì khó khăn. Thi-la là thửa ruộng tốt không gieo hạt-không gặt hái mà tự nhiên có được kết quả. Thi-la là quả ngọt cam lộ, không sinh ra từ cây cỏ nhưng có mùi hương và vị ngọt không gì sánh được. Thi-la là đóa hoa đẹp không sinh ra từ nước hay đất, nhưng luôn luôn tươi thắm chứ không kéo tàn hư hoại. Thi-la diệt trừ sự nóng bức của phiền não, như tắm gội giữa làn nước mát lạnh. Thi-la giữ gìn tốt đẹp hẳn các loại vũ khí sắc bén. Người thực hành Thi-la không làm cho người ta sợ hãi mà được cung kính. Thi-la là chốn tự tại không có sự tranh chấp đua. Thi-la là vật báu tốt đẹp không sinh ra từ núi cao,

không sinh ra từ biển rộng, mà giá trị của vật báu này là vô lượng. Thi-la có năng lực vượt qua nỗi sợ hãi không sống được-sợ hãi vào giữa mọi người-sợ hãi tra khảo đáng đập-sợ hãi rơi vào ác đạo. Thi-la thường đi theo con người, đời này đến đời sau như bóng đi theo hình.

Phẩm 35: QUẢ BÁO CỦA GIỚI

*Bồ-tát thuộc về địa Ly cấu,
Đã nói đầy đủ về thanh tịnh,
Bồ-tát an trú trong địa này,
Thường làm bậc Chuyển luân Thánh vương.*

Địa thứ hai ở trong mười địa có tên gọi là Ly Cấu, bởi vì mười điều ác căn bản như tham lam keo kiệt... vĩnh viễn không còn, cho nên gọi là Ly cấu.

Bồ-tát ở trong địa này thực hành sâu vào Thi-la Ba-la-mật, Bồ-tát này nếu chưa lia dục, nhưng vốn có nhân duyên quả báo của địa này, thì làm bậc Chuyển luân Thánh vương cai quản Tứ thiên hạ, được trang nghiêm bằng vành xe vàng ngàn tia và các loại châu báu. Vành bánh xe ấy dùng chân lưu ly làm ổ cốt xe, vòng tròn xung quanh rộng mười lăm dặm, được trăm loại thần Dạ-xoa cùng nhau bảo vệ, có năng lực bay đi giữa hư không, dẫn dắt bốn loại binh lính, nhẹ nhàng nhanh chóng như chim chúa cánh vàng, như gió thoảng-như ý nghĩ, nơi nào đi đến thì diệt mọi sự hoạn nạn suy tổn, làm cho giặc thù phải hàng phục, tất cả các Tiểu vương đều đến quy thuận phục tùng, thân tộc và nhân dân thấy đều kính mến, tài năng soi sáng khắp nơi. Dòng họ Thánh vương có các loại hoa đẹp và chuỗi ngọc trang hoàng xen lẫn với nhau, có năm loại kỹ nhạc luôn luôn đi theo, dùng tàn lọng quý báu kỳ diệu che phủ phía trên. Lúc đi có các loại hoa hương-bột hương-bột chiên đàn thường rải xuống cúng dường, đốt các loại hương Chân hắc trầm thủy-Ngưu đầu-Chiên đàn-Hoàng chiên đàn để xông ướp trên thân. Hai bên vành xe có Thiên nữ cầm phất trần trắng đứng hầu, các loại châu báu dùng làm tàn che. Vành bánh xe ấy có các loại sự việc hy hữu dùng để trang nghiêm. Đó gọi là Kim luân bảo cụ túc.

Tượng của tất cả các voi, thân lớn mà trắng như núi bạc ròng sản sinh ra từ đỉnh núi thần. Trong những voi lớn có năng lực bay đi giữa hư không, thì những voi chúa to lớn như Y-la-bà-na, An-xà-na, Vương-ma-na... đều có năng lực quật ngã mọi thứ. Đó gọi là Bạch tượng bảo

cụ túc.

Tướng của ngựa có màu sắc như cổ chim khổng tước, thân thể nhẹ nhàng nhanh chóng như chim chúa cánh vàng bay đi không có gì ngăn ngại. Đó gọi là Mã bảo.

Sinh ra trong gia đình cao quý, thân không có bệnh tật gì, có thể lực to lớn, hình hài thân thể sáng suốt sạch sẽ, nhớ nghĩ sâu xa, tâm ngay thẳng dịu dàng, trì giới kiên cố, rất kính mến nhà vua, có năng lực thông hiểu các loại kinh sách-kỹ thuật. Đó gọi là Chủ binh thân bảo.

Như Thiên Vương làm chủ tài sản, tướng giàu có đầy đủ, ngàn vạn ức loại vật báu ẩn giấu kín đáo thường đi theo bên cạnh, ngàn vạn ức loại quyến thuộc của các thần Dạ-xoa cùng đi theo, đều là quả báo của hành nghiệp đời trước, khéo biết phân biệt các loại vật báu như vàng, bạc, đế thanh, đại thanh, kim cang, ma-la-kiệt, xa cừ mã não, san hô, pha lê, ma ni, trân châu, lưu ly... tất cả mọi vật báu ấy đều có năng lực khéo biết rõ đưa ra-thu vào nhiều ít, tùy sự thích hợp có thể sử dụng luôn luôn thỏa mãn ý nguyện của nhà vua. Đó gọi là Cư sĩ bảo.

Ánh sáng như mặt trời-mặt trăng soi chiếu mười sáu do-tuần, thân hình như trống lớn, có năng lực diệt trừ các loại trùng độc-khí độc-bệnh tật khổ đau, trời và người nhìn thấy không có ai không quý mến. Hoa đẹp và chuỗi ngọc dùng để trang nghiêm, ở tại đài cao tỏa ánh sáng uy nghiêm kỳ lạ, có năng lực làm cho chúng sinh phát tâm hy hữu, nảy sinh niềm hoan hỷ vô cùng. Đó gọi là Châu bảo.

Móng tay móng chân đỏ hồng mà mỏng, hình dáng thẳng thắn cao lớn, mịn màng trơn láng chứ không mập không ốm, thịt trên thân sắp xếp theo thứ tự dày dặn và chặt chẽ, da mỏng không chịu được những điều vất vả, thân yên ổn vững chãi như cây Đa-la. Khắp nơi trên thân đều có chữ cát rõ ràng, đường nét chữ Cát nổi lên trang nghiêm cho thân. Những nét vẽ như voi chúa-trâu chúa-ngựa chúa, nét vẽ phan cái-nét vẽ cá rùa-nét vẽ vườn rừng... hiện rõ trên thân nhà vua. Mắt cá chân bằng phẳng không hiện ra, mu bàn chân như lưng rùa, hai bên bàn chân đều đỏ, gót chân tròn và rộng, bắp chân mềm mại, đầu gối tròn không hiện ra, bắp vế như cột vàng-như cây chuối, như vòi voi chúa mềm mại sáng bóng. Bụng tròn mà thẳng, có ba đường ngang vùng bụng nhưng không hiện rõ. Bốn tròn mà sâu, xương sống bằng và thẳng. Ví như trái tần-bà, như đôi chim uyên ương tròn đầy nhô lên, không thông xuống mà lại mềm mại tươi sáng. Còn cánh tay thon nhỏ, tròn mà lại dài, các ngón tay không hiện rõ. Mũi thẳng thắn không nghiêng, hiện rõ ra không to không nhỏ, lỗ mũi che kín không lộ ra. Hai gò má không lõm sâu,

bằng phẳng không gồ cao, hai bên đều đầy đặn. Trán bằng phẳng mà dài, có đường nét của chữ Cát, tai mềm mà buông xuống, đeo vòng báu vô giá. Răng như chuỗi trân châu, như vầng trăng mới mọc, trắng như tuyết-sáng như ngọc. Môi như ráng chiều đỏ ửng, như trái tần-bà, trên dưới tương xứng không dày không mỏng, như chuỗi trân châu đỏ tươi. Hai tròng mắt đen trắng rõ ràng, dài rộng trang nghiêm có ánh sáng vô cùng thanh tịnh. Lông mi đen tuyền, dày và dài nhưng không rối. Lông mày không dày-không mỏng-không cao-không thấp, như vầng trăng mới mọc, cao-cong mà dài, hai bên giống nhau. Tóc mềm mà mịn, sáng bóng không rối. Thân thể nhà vua thơm ngát thường tỏa ra mùi hương, như mở các loại hộp chứa hương thơm vi diệu bậc nhất. Những lỗ chân lông trên thân thường tỏa ra mùi chiên đàn vô cùng tuyệt diệu, có thể làm vui lòng người. Trong miệng thường có mùi hương của hoa sen xanh. Thân thể mềm mại như Già-lăng-già. Y phục trời mềm mại trơn láng, tất cả đều cung cấp đầy đủ.

Tâm không đua nịnh quanh co, luôn luôn tin tưởng và có lòng hổ thẹn, rất kính mến nhà vua, biết thời cơ-biết nơi chốn, có phương tiện khéo léo thâm nhiếp được tâm nhà vua, đứng-ngồi-nói chuyện có thể cảm được ý nhà vua, thuận theo ý nhà vua để thực hành, thường phát ra lời nói yêu mến, như con gái đức hạnh giữa chốn nhân gian đầy đủ mọi vẻ đẹp, sắc diện giống như con gái cõi trời ĐỀ-lô-đa-ma, thanh tịnh rõ ràng. Xinh đẹp như đường nét vầng trăng đêm rằm hiện ra sáng rực, điểm lệ như phu nhân Xá-chỉ của Đế thích, mặc có cõi trời-đeo tràng hoa cõi trời-xoa ướp hương thơm cõi trời, dùng nhiều ánh sáng cõi trời và vàng-ngọc ma ni để trang điểm thân mình. Khéo léo biết mọi điều về ca múa-đánh đàn-vui đùa cười nói. Có phương tiện khéo léo tùy ý có thể làm cho nhà vua sinh niềm hoan hỷ. Trong tất cả những cô con gái thì cô gái này là bậc nhất. Đó gọi là Ngọc nữ bảo.

Vả lại, Chuyển luân Thánh vương có bốn đức như ý:

1. Sắc diện tướng mạo đoan nghiêm, bậc nhất trong Tứ thiên hạ không có ai sánh bằng.
2. Không có bệnh tật khổ sở.
3. Nhân dân hết sức yêu quý.
4. Thọ mạng lâu dài.

Giáo hóa dạy dỗ chúng sinh bằng mười thiện nghiệp, có năng lực làm cho cung điện của chư Thiên đầy đủ, có năng lực giảm bớt dân chúng của A-tu-la, có năng lực trừ bớt những đường ác-tăng thêm nẻo thiện, có năng lực vì chúng sinh cầu nhiều điều lợi ích mà phát sinh

những việc làm tốt đẹp, không sử dụng vũ khí-quân binh mà dùng pháp đối trị để cảm hóa làm cho chư Thiên được an lạc, bên ngoài không có nỗi sợ hãi vì các nước thù địch-bên trong không có nỗi lo sợ vì những âm mưu đen tối. Vả lại, trong đất nước ấy không có xảy ra dịch bệnh và các tai họa suy tổn khổ não ngang trái. Tất cả các vua lân cận đều thuận lòng quy phục, có nhiều quyến thuộc

Có năng lực nhanh chóng thu nhiếp mọi người, lại không có ai có năng lực xâm hại lãnh thổ của quốc gia. Bốn loại binh lính của nhà vua có đầy đủ thế lực, các bà-la-môn, cư sĩ và dân chúng đều cùng nhau kính mến, đồ ăn thức uống thơm ngon tốt lành tự nhiên mà có. Lãnh thổ của quốc gia ngày càng tăng thêm chứ không có gì giảm bớt, nhà vua có năng lực khéo léo thông hiểu kinh sách-kỹ nghệ-toán số-chú thuật, tất cả đều thọ trì thành tựu. Nhà vua có thể khéo léo bàn luận, phân biệt rõ ràng nghĩa lý, quần thần đều có đầy đủ uy đức, thường thực hành Bồ thí không ai có thể sánh kịp. Ngàn người con đoan nghiêm như các Thiên tử, uy đức dũng mãnh có năng lực phá tan quân địch hùng mạnh, nơi ở của họ là những cung điện lầu đài tráng lệ như cung điện tuyệt diệu của Thiên Vương-Đế Thích. Nhà vua dạy dỗ họ thì không có ai có thể hư hỏng. Ở trong Tứ thiên hạ, chỉ có vị vua này đầy đủ uy đức tướng tốt, cho nên không có ai có thể sánh bằng. Âm thanh của nhà vua sâu xa, dễ hiểu, không phân tán cũng không rối loạn, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già thánh thót hòa nhã khiến cho người nghe êm tai. Quyến thuộc của nhà vua đồng tâm không ai có thể làm cho ngăn ngại, nơi ở của họ dù trên mặt đất, dưới nước hay giữa hư không cũng chẳng có gì chướng ngại, họ có uy lực mạnh mẽ có thể đảm nhận việc lớn. Nghĩ và hỏi han những người già cả, không hề lừa dối người khác. Tâm họ không có gì ganh tỵ, không chấp nhận điều gì sai trái, không có gì sân hận, oai nghi khoan thai chứ không tùy tiện nóng nảy. Họ nói lời thành thật chứ không hề nói hai lời, thực Bồ thí trì giới, thường tu dưỡng tâm thiện, đi đứng biết rõ thời gian không làm mất phương tiện. Thần sắc hai hòa vui vẻ, nói chuyện luôn luôn mỉm cười, không hề chau mày nhìn người khác với ánh mắt dữ dằn. Người giảm mất lợi ích cho họ, người đã có lợi ích thì làm cho họ biết sâu sắc để đền đáp. Tâm luôn hổ thẹn, có nhiều trí tuệ, uy đức tôn nghiêm mà luôn luôn nhẫn nhục. Tướng Đại trượng phu thì tánh họ rất nghiêm khắc, những việc họ làm có thể nhanh chóng được thành tựu, trước phải suy nghĩ đúng đắn rồi sau đó mới thực hiện. Nhà vua có pháp nhãn để làm những việc thù thắng, người khéo suy nghĩ mới làm việc cùng với nhà vua. Nếu điều gì không đảm đương nổi

thì tiếp tục cầu người có tài đức và sáng suốt, có gắng tích góp phước đức và tài vật, có năng lực tự mình giữ gìn thanh tịnh chứ không phá hủy giới cấm.

Nhà vua có nhiều tiền bạc châu báu như Tỳ-Sa-môn thiên vương, có thế lực to lớn như Thiên Đế Thích, đoan nghiêm đáng yêu giống như trăng tròn, có năng lực nhẫn nhục như mặt đất, tâm sâu thẳm như biển rộng, không bị khổ vui làm cho dao động, như núi chúa Tu-di không thể nào lay chuyển vì sóng gió, trú xứ của những điều kỳ diệu quý báu, nơi nương tựa của mọi phước đức thiện căn, là thân tộc đối với tất cả thế gian, là nơi quay về của những người còn khổ não. Ai không có nơi quay về thì làm nơi quay về cho họ, ai không có nhà cửa thì làm nhà cửa cho họ, ai có nỗi sợ hãi thì luôn luôn trừ diệt sợ hãi giúp họ. Chuyển luân Thánh vương có những tướng như vậy, đều nhờ vào nhân duyên quả báo của địa thứ hai.

*Có thể chuyển hóa hạng phá giới, Khiến cho họ trú
vào thiện pháp, Còn lại những sự việc đã làm, Như
trong địa thứ nhất giải thích.*

Chuyển hóa hạng phá giới, là có năng lực làm cho chúng sinh bỏ điều ác-làm điều thiện có được niềm an lạc. Khiến cho họ trú vào thiện pháp, là có năng lực chuyển hóa nghiệp thân-miệng-ý bất thiện của chúng sinh, khiến cho họ thực hành nghiệp thiện của thân-miệng-ý. Điều này như giải thích trong địa thứ nhất, đó gọi là thấy chư Phật và đạt được những tam-muội, nhưng địa kia thấy số trăm-địa này thấy số ngàn, lấy đó làm sai biệt vậy.

